

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 83/2024/DS-ST

Ngày 24-6-2024

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Lệ Hoa

Ông Trần Phi Hùng

- **Thư ký phiên toà:** Bà Đỗ Hồng Như - Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 27/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024, về việc: “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Văn B, sinh năm 1977 (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp BM, xã ĐM, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Ông Hà Hoàng M, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp K7, xã B, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

Bà Phan Thị P (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 18, xã BĐ, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng đại diện nguyên đơn ông Trần Văn B trình bày:

Vào năm 2020 ông có bán thiết bị máy móc nhà xưởng là cơ sở chế biến nhiên liệu thức ăn gia súc, tọa lạc ấp T, xã B, huyện TB cho ông Hà Hoàng M với số tiền là 75.000.000 đồng, khi mua bán hai bên chỉ thỏa thuận miệng không làm hợp đồng. Sau khi bán ông M đã thanh toán cho ông được 40.000.000 đồng còn nợ lại 35.000.000 đồng đến nay không thanh toán. Sau đó ông có liên hệ thì bà Phan Thị P là mẹ của M có đứng ra nhận trả nợ thay, nhưng không thực hiện. Năm 2021 ông có khởi kiện bà P yêu cầu thanh toán nhưng tại bản án số 05/2022/DS-ST ngày 13/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử tách vụ việc nợ 35.000.000 đồng ra cho rằng đây là nợ giữa ông với ông M. Nên nay ông khởi kiện yêu cầu ông M trả cho ông 35.000.000 đồng, và xác định đây là việc mua bán giữa ông với ông M không liên quan đến bà P, ông không yêu cầu trách nhiệm thanh toán của bà P.

- Bị đơn ông Hà Hoàng M trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Ông thừa nhận vào năm 2020 ông có mua nhà xưởng, thiết bị máy móc là cơ sở chế biến nhiên liệu thức ăn gia súc, tọa lạc ấp T, xã B, huyện TB của ông B với giá 75.000.000 đồng, khi mua hai bên không làm hợp đồng mà chỉ thỏa thuận miệng. Khi mua ông đã thanh toán cho ông B 40.000.000 đồng còn nợ lại 35.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi mua có thỏa thuận là nhà xưởng sẽ kinh doanh 05 năm nhưng khi ông kinh doanh chỉ được 02 tháng thì bị cấm kinh doanh do ông B trước đây kinh doanh làm ô nhiễm nên bị người dân khiếu nại, nên khi ông kinh doanh thì bị cơ quan chức năng cấm không cho sản xuất tiếp. Ông cho rằng ông B đã vi phạm thỏa thuận hợp đồng nên ông không đồng ý trả tiếp số tiền còn lại là 35.000.000 đồng theo yêu cầu của ông B. Ông xác định đây là việc mua bán giữa ông với ông B không liên quan gì đến trách nhiệm của mẹ ông là bà Phan Thị P.

Đối với bà Phan Thị P đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, các giấy triệu tập xét xử Tòa án đã tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng tại phiên tòa bà P vắng mặt không lý do. Bà P cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông B.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình trình bày ý kiến: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về đương sự nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Phan Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bà P vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Bị đơn ông Hà Hoàng M có đơn xin hoãn phiên tòa nhưng không có lý do chính đáng, không vì trở ngại khách quan nên đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt, nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 430, 434, 440 của Bộ luật Dân sự đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Hà Hoàng M phải thanh toán tiếp cho nguyên đơn số tiền còn nợ 35.000.000 đồng. Không đề cập trách nhiệm của bà Phan Thị P. Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Trần Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Phan Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bà P vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Bị đơn ông Hà Hoàng M có đơn xin hoãn phiên tòa nhưng không có lý do chính đáng, không vì trở ngại khách quan hoặc lý do bất khả kháng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông B, bà P, ông M theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

[2] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán, giữa cá nhân ông B với cá nhân ông M, ông B không có đăng ký kinh doanh và không có mục đích lợi nhuận nên đây là tranh chấp dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Nội dung tranh chấp: Nguyên đơn ông Trần Văn B và bị đơn ông Hà Hoàng M đều xác định có giao dịch mua bán thiết bị máy móc để chế biến nhiên liệu thức ăn gia súc, cơ sở tọa lạc ấp T, xã B, huyện TB. Trong quá trình mua bán

ông M còn nợ lại ông B 35.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu buộc ông M, bà P có trách nhiệm thanh toán 35.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án ông B thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu ông M thanh toán 35.000.000 đồng.

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giao dịch mua bán máy móc, thiết bị nhà xưởng giữa nguyên đơn với bị đơn không có hợp đồng mua bán chỉ thoả thuận miệng nhưng được các bên thừa nhận nên hợp đồng mua bán là có thực và hoàn toàn hợp pháp. Hợp đồng được các bên đương sự tự nguyện tham gia giao dịch, mục đích và nội dung giao dịch không trái pháp luật. Thực tế tại phiên hoà giải bị đơn ông M cũng thừa nhận có mua thiết bị máy móc từ ông B và đã thanh toán được 40.000.000 đồng và còn nợ lại 35.000.000 đồng không thanh toán cho nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng có thoả thuận miệng là khi mua máy móc thì kinh doanh được 05 năm nhưng chỉ kinh doanh 02 tháng thì bị cơ quan chức năng cấm kinh doanh nên không thanh toán tiếp phần còn lại.

Xét thấy, theo công văn số 87/PTNMT ngày 13/5/2024 phúc đáp công văn của Toà án nhân dân huyện Thới Bình của Phòng tài nguyên môi trường huyện Thới Bình, thì ngày 16/6/2020 Phòng Tài nguyên môi trường huyện Thới Bình đã phối hợp với Phòng Kinh tế- Hạ tầng và Ủy ban nhân dân xã Biển Bạch tiến hành kiểm tra thực tế Công ty TNHH TH CM (do ông Hà Thanh H làm giám đốc Công ty) theo nội dung yêu cầu của các hộ dân tại ấp T, xã B. Sau khi kiểm tra Phòng Tài nguyên môi trường huyện Thới Bình có báo cáo về Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình về việc hoạt động của Công ty TH gây mùi hôi thối ảnh hưởng sức khỏe của người dân xung quanh. Tuy nhiên, việc cơ quan chức năng có cấm kinh doanh hay không thì phía bị đơn không cung cấp chứng cứ gì chứng minh. Hơn nữa, theo chứng cứ Toà án thu thập thì ngày 10/4/2019 ông Hà Thanh H đã bổ nhiệm ông Hà Hoàng M giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty TNHH TH CM. Công ty TNHH TH CM do ông H cha ông M đứng tên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và ông M cùng kinh doanh với ông H, việc kinh doanh bị ô nhiễm thì ông M thời điểm đó cũng biết, bởi công ty do ông và ông H đứng tên và kinh doanh, ông B không đứng tên kinh doanh. Đồng thời, không văn bản, chứng cứ nào thể hiện ông B kinh doanh gây ô nhiễm. Nên việc bị đơn xác định ông B trước khi bán thiết bị máy móc thì đã kinh doanh làm ô nhiễm là không phù hợp. Khi mua máy móc, thiết bị cũng không có hợp đồng thoả thuận hoặc chứng cứ gì thể hiện nguyên đơn cam kết là việc kinh doanh thêm 05 năm như bị đơn trình bày. Vì vậy, hiện bị đơn ông M cho rằng nguyên đơn vi phạm hợp đồng để không thanh toán tiếp khoản tiền nợ còn lại là không phù hợp.

Do đó, từ các căn cứ phân tích nêu trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông M thanh toán số nợ còn lại là 35.000.0000 đồng là có căn cứ.

[3.2] Về trách nhiệm thanh toán nợ, hiện nguyên đơn chỉ yêu cầu ông M thanh toán không yêu cầu trách nhiệm thanh toán của bà P, xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm thanh toán của bà P là phù hợp.

[3.3] Về lãi suất chậm thanh toán nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật, nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 430, 434, 440 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Hà Hoàng M thanh toán cho ông Trần Văn B số tiền là 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày ông Trần Văn B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Hà Hoàng M không thi hành xong khoản tiền trên, thì ông M phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hà Hoàng M phải chịu số tiền 1.750.000 đồng (chưa nộp). Ông Trần Văn B không phải chịu. Ngày 16/02/2024 ông B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 875.000 đồng, theo biên lai thu số 0015973 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau ông B được nhận lại khi bản án có hiệu lực.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông B, ông M, bà P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Dương sự;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Kim Cương